

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Lê Đình Tiến	Thành viên
Ông Tăng Văn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2011)
Ông Hồ Vĩnh Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Tăng Văn Liêm

Phó Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Số. /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 31 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.652.233.330	67.603.870.850
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.983.625.524	4.322.727.601
1. Tiền	111		3.983.625.524	4.322.727.601
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.647.110.036	22.430.172.951
1. Phải thu khách hàng	131		21.988.475.288	22.769.224.422
2. Trả trước cho người bán	132		418.306.343	118.253.431
3. Các khoản phải thu khác	135		141.823.635	444.190.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(901.495.230)	(901.495.230)
III. Hàng tồn kho	140	5	35.185.781.972	39.998.565.281
1. Hàng tồn kho	141		35.988.355.228	40.801.138.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(802.573.256)	(802.573.256)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		835.715.798	852.405.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		612.028.582	714.086.473
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.152.216	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		220.535.000	138.318.544
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.509.914.696	69.916.609.601
I. Tài sản cố định	220		70.011.741.929	62.840.098.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	38.441.236.308	18.452.946.148
- Nguyên giá	222		87.793.629.449	57.431.535.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.352.393.141)	(38.978.589.769)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	23.455.456.134	36.272.103.056
- Nguyên giá	225		28.296.401.017	47.078.232.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.840.944.883)	(10.806.129.784)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	8.115.049.487	8.115.049.487
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.378.061.520	2.378.061.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.378.061.520)	(1.378.061.520)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.498.172.767	6.076.510.910
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.554.961.244	3.242.215.118
2. Tài sản dài hạn khác	268	11	2.943.211.523	2.834.295.792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.162.148.026	137.520.480.451

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.789.170.521	60.402.617.831
I. Nợ ngắn hạn	310		44.833.374.750	49.103.615.042
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	25.230.430.844	33.797.630.684
2. Phải trả người bán	312		11.038.366.226	3.685.634.859
3. Người mua trả tiền trước	313		350.272.500	1.507.451.445
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.050.340.039	5.938.845.288
5. Phải trả người lao động	315		612.400.100	1.669.431.000
6. Chi phí phải trả	316		740.717.561	376.895.597
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		346.027.491	14.641.180
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		464.819.989	2.113.084.989
II. Nợ dài hạn	330		12.955.795.771	11.299.002.789
1. Phải trả dài hạn khác	333		417.690.000	417.690.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	11.605.283.949	9.948.490.967
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	45.015.822	45.015.822
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		887.806.000	887.806.000
B. VỐN CỔ ĐÔNG	400		80.372.977.505	77.117.862.620
I. Vốn cổ đông	410	16	80.372.977.505	77.117.862.620
1. Vốn điều lệ	411		47.577.700.000	47.577.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.603.745.804	2.603.745.804
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.603.745.804	2.603.745.804
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		27.529.043.509	24.273.928.624
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.162.148.026	137.520.480.451

Tăng Văn Liêm**Phó Giám đốc**

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
			đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
1. Doanh thu gộp	01	18	97.938.646.156	111.828.905.501
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		97.938.646.156	111.828.905.501
4. Giá vốn hàng bán	11		(79.474.365.335)	(88.466.060.244)
5. Lợi nhuận gộp	20		18.464.280.821	23.362.845.257
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	257.827.703	295.695.384
7. Chi phí tài chính	22	21	(2.132.263.430)	(7.325.775.042)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(2.130.458.557)	(5.411.419.432)
8. Chi phí bán hàng	24		(1.834.255.299)	(1.701.651.884)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(3.611.487.528)	(3.070.233.784)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		11.144.102.267	11.560.879.931
11. Thu nhập khác	31	22	2.487.433.736	1.647.586.206
12. Chi phí khác	32	23	(1.442.880.340)	(772.544.088)
13. Lợi nhuận khác	40		1.044.553.396	875.042.118
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.188.655.663	12.435.922.049
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(2.200.662.779)	(3.110.754.319)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		9.987.992.884	9.325.167.730
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.099	1.960

Tăng Văn Liêm**Phó Giám đốc**

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
		đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.188.655.663	12.435.922.049
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.408.618.471	4.745.755.726
Các khoản dự phòng	03	-	424.893.109
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(42.617.953)	504.713.445
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(55.363.295)	(274.768.139)
Chi phí lãi vay	06	2.130.458.557	5.411.419.432
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.629.751.443	23.247.935.622
Biến động các khoản phải thu	09	(10.576.677.522)	(3.785.019.221)
Biến động hàng tồn kho	10	4.812.783.309	(3.520.743.377)
Biến động các khoản phải trả	11	5.116.646.064	2.431.997.479
Biến động chi phí trả trước	12	789.311.765	(876.560.126)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.254.501.393)	(5.455.156.190)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.485.581.458)	(3.225.488.748)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(82.216.456)	1.007.034.160
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.838.375.731)	(913.404.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.111.140.021	8.910.594.799
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(223.673.488)	(516.510.909)
2. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	55.363.295	274.768.139
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(168.310.193)	(241.742.770)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.929.916.769	75.880.296.036
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.661.313.540)	(76.209.141.460)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(9.064.580.864)	(4.665.855.647)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(6.495.338.000)	(7.805.206.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.291.315.635)	(12.799.907.071)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(348.485.807)	(4.131.055.042)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.322.727.601	6.539.587.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	9.383.730	4.967.712
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.983.625.524	2.413.499.807

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 11.356.588.221 đồng, là số tiền dùng để thuê mua tài sản thuê tài chính. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải thu.

Tăng Văn Liêm
Phó Giám đốc
 Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 268 người (31 tháng 12 năm 2011: 258).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu và được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	47.337.750	82.816.835
Tiền gửi ngân hàng	3.936.287.774	4.239.910.766
	<u>3.983.625.524</u>	<u>4.322.727.601</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	1.527.877.729	-
Nguyên liệu, vật liệu	24.465.357.073	29.182.753.632
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.870.216.198	4.995.681.417
Thành phẩm	5.124.904.228	6.622.703.488
	<u>35.988.355.228</u>	<u>40.801.138.537</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(802.573.256)	(802.573.256)
	<u>35.185.781.972</u>	<u>39.998.565.281</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	52.005.979.420	3.415.340.419	314.275.770	1.695.940.308	57.431.535.917
Tăng	196.409.852	-	27.263.636	-	223.673.488
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	30.138.420.044	-	-	-	30.138.420.044
Tại ngày 30/6/2012	<u>82.340.809.316</u>	<u>3.415.340.419</u>	<u>341.539.406</u>	<u>1.695.940.308</u>	<u>87.793.629.449</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	35.943.586.285	1.369.521.129	310.364.700	1.355.117.655	38.978.589.769
Khấu hao trong kỳ	2.941.962.076	221.379.407	15.058.154	85.299.222	3.263.698.859
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	7.110.104.513	-	-	-	7.110.104.513
Tại ngày 30/6/2012	<u>45.995.652.874</u>	<u>1.590.900.536</u>	<u>325.422.854</u>	<u>1.440.416.877</u>	<u>49.352.393.141</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>36.345.156.442</u>	<u>1.824.439.883</u>	<u>16.116.552</u>	<u>255.523.431</u>	<u>38.441.236.308</u>
Tại ngày 1/1/2012	<u>16.062.393.135</u>	<u>2.045.819.290</u>	<u>3.911.070</u>	<u>340.822.653</u>	<u>18.452.946.148</u>

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với trị giá là 15.404.822.858 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 12.850.205.210 đồng).

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	13.940.318.700	33.137.914.140	47.078.232.840
Tăng	-	11.356.588.221	11.356.588.221
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(30.138.420.044)	(30.138.420.044)
Tại ngày 30/6/2012	<u>13.940.318.700</u>	<u>14.356.082.317</u>	<u>28.296.401.017</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	3.206.273.301	7.599.856.483	10.806.129.784
Khấu hao trong kỳ	278.806.374	866.113.238	1.144.919.612
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(7.110.104.513)	(7.110.104.513)
Tại ngày 30/6/2012	<u>3.485.079.675</u>	<u>1.355.865.208</u>	<u>4.840.944.883</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	<u>10.455.239.025</u>	<u>13.000.217.109</u>	<u>23.455.456.134</u>
Tại ngày 1/1/2012	<u>10.734.045.399</u>	<u>25.538.057.657</u>	<u>36.272.103.056</u>

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là khoản trả trước 35% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là "Công ty CP KCN Phong Phú") về việc thuê 12.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là "KCN Phong Phú") để xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP KCN Phong Phú vẫn chưa tiến hành bàn giao cho Công ty khu vực đất dự kiến cho thuê theo như tiến độ hợp đồng đã cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phần trong Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn (i)	1.378.061.520	1.378.061.520
Góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (i)	<u>(1.378.061.520)</u>	<u>(1.378.061.520)</u>
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

(i) Khoản đầu tư vào của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn thể hiện giá mua 72.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn đã có số lỗ lũy kế vượt quá số vốn chủ sở hữu, do đó Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(ii) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	3.242.215.118	2.562.118.821
Tăng trong năm	413.320.497	2.399.709.666
Phân bổ vào chi phí	<u>(1.100.574.371)</u>	<u>(1.719.613.369)</u>
Tại ngày 30 tháng 06 / 31 tháng 12	<u>2.554.961.244</u>	<u>3.242.215.118</u>

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	20.581.218.152	27.569.416.496
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	<u>4.649.212.692</u>	<u>6.228.214.188</u>
	<u>25.230.430.844</u>	<u>33.797.630.684</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC	8.460.218.481	9.642.869.376
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà	-	2.619.239.120
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	5.366.999.671	10.077.688.000
Các cá nhân khác	<u>6.754.000.000</u>	<u>5.229.620.000</u>
	<u>20.581.218.152</u>	<u>27.569.416.496</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 1.200.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị 13.500.000.000 đồng và các khoản phải thu với giá trị 13.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 19.700.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bà Bùi Xuân Hạnh, vợ ông Trần Anh Tiến. Công ty cam kết dùng hàng lưu kho và nguồn thu từ xuất nhập khẩu để đảm bảo khả năng trả nợ vay.

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng trên đây chịu lãi suất từ 1,30% đến 1,42%/tháng cho các khoản vay nhận nợ bằng đồng Việt Nam, từ 0,50% đến 0,63%/tháng đối với đô la Mỹ.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác không có bảo đảm nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán nợ gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất từ 1,45% đến 1,55%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	741.274.827
Thuế xuất nhập khẩu	117.985.705	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.887.010.634	5.171.929.313
Các loại thuế khác	45.343.700	25.641.148
	<u>6.050.340.039</u>	<u>5.938.845.288</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nợ thuê tài chính dài hạn (i)	16.254.496.641	16.176.705.155
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	(4.649.212.692)	(6.228.214.188)
	<u>11.605.283.949</u>	<u>9.948.490.967</u>

(i) Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	9.069.043.600	1.779.928.655
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ("VILC")	1.494.690.041	-
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu	-	7.794.102.000
Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - kinh doanh văn phòng Tân Tạo ("Taserco")	5.690.763.000	6.602.674.500
	<u>16.254.496.641</u>	<u>16.176.705.155</u>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	6.771.894.386	8.356.102.783	4.649.212.692	6.228.214.188
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	17.467.896.914	12.327.153.295	11.605.283.949	9.948.490.967
	24.239.791.300	20.683.256.078	16.254.496.641	16.176.705.155
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(7.985.294.659)	(4.506.550.923)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	16.254.496.641	16.176.705.155	16.254.496.641	16.176.705.155
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 12)			(4.649.212.692)	(6.228.214.188)
Số phải trả sau 12 tháng			<u>11.605.283.949</u>	<u>9.948.490.967</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tài sản cố định thuế tài chính VNĐ	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho VNĐ	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2012	-	(340.690.023)	200.643.314	95.030.887	(45.015.822)
Ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	-	(340.690.023)	200.643.314	95.030.887	(45.015.822)

16. VỐN CỔ ĐÔNG

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 2 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 47.577.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	4.757.770	4.757.770
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.757.770	4.757.770
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty

Thay đổi trong vốn cổ đông

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư, phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	47.577.700.000	58.742.388	1.459.386.967	1.459.386.967	16.034.422.387	66.589.638.709
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.887.176.747	22.887.176.747
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.467.094.000)	(10.467.094.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.144.358.837	1.144.358.837	(4.180.576.510)	(1.891.858.836)
Số dư tại ngày 31/12/2011	47.577.700.000	58.742.388	2.603.745.804	2.603.745.804	24.273.928.624	77.117.862.620
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.987.992.884	9.987.992.884
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.660.878.000)	(6.660.878.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(71.999.999)	(71.999.999)
Số dư tại ngày 30/6/2012	47.577.700.000	58.742.388	2.603.745.804	2.603.745.804	27.529.043.509	80.372.977.505

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 14 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chia cổ tức bổ sung của năm 2011 là 14% cho một cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011:

	30/6/2012		31/12/2011	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Ông Trần Anh Tiến	5.710.000.000	12,00%	5.710.000.000	12,00%
Ông Nguyễn Văn Hùng	4.000.000.000	8,41%	4.000.000.000	8,41%
Ông Tăng Văn Liêm	287.100.000	0,60%	287.100.000	0,60%
Ông Lưu Ích Sáng	3.957.900.000	8,32%	3.957.900.000	8,32%
Ông Nguyễn Thành Hiếu	2.883.050.000	6,06%	2.883.050.000	6,06%
Ông Hồ Vĩnh Văn	2.450.000.000	5,15%	2.450.000.000	5,15%
Ông Nguyễn Thái Bình	14.601.300.000	30,69%	14.244.900.000	29,94%
Các cổ đông khác	13.688.350.000	28,77%	14.044.750.000	29,52%
	47.577.700.000	100%	47.577.700.000	100%

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp là in (offset, ống đồng giấy, ống đồng nhôm, bao thư) chiếm 97,53% tổng doanh thu, các lĩnh vực kinh doanh khác bao gồm bán hàng hóa chiếm 2,46% và cung cấp dịch vụ chiếm 0,01%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong nước Việt Nam chiếm 92,29%, doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm 7,71%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU GỘP

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng hóa	2.407.747.315	3.360.789.708
Doanh thu offset	25.877.830.335	33.280.175.409
Doanh thu ống đồng giấy	15.952.043.572	16.740.788.926
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.000.000	5.489.236
Doanh thu bao thư	8.389.757.253	7.327.621.866
Doanh thu ống đồng nhôm	45.301.267.681	51.114.040.356
	97.938.646.156	111.828.905.501

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.749.416.707	74.123.930.989
Chi phí nhân công	8.858.479.262	8.193.481.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.129.812.097	4.466.949.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.857.061.122	4.603.178.999
Chi phí khác	3.325.338.974	1.850.405.524
	84.920.108.162	93.237.945.912

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền gửi	55.363.295	74.768.139
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	-	200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.617.953	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	159.846.455	20.927.245
	257.827.703	295.695.384

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.130.458.557	5.411.419.432
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	424.893.109
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	504.713.445
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.804.873	984.749.056
	2.132.263.430	7.325.775.042

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Thu từ việc bán các phế liệu	286.666.362	350.028.182
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	2.096.470.903	801.075.659
Khác	104.296.471	496.482.365
	2.487.433.736	1.647.586.206

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	278.806.374	278.806.374
Khác	1.164.073.966	493.737.714
	1.442.880.340	772.544.088

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	12.188.655.663	12.435.922.049
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	386.560.215	212.095.228
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(205.000.000)
Thu nhập chịu thuế	12.575.215.878	12.443.017.277
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.143.803.970	3.110.754.319
Giảm trừ thuế	(943.141.191)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả	2.200.662.779	3.110.754.319

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 21 tháng 06 năm 2012, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 29/2012/QH13 về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Theo đó, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 6 tháng đầu năm 2012 với số tiền là 943.141.191 đồng

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	9.987.992.884	9.325.167.730
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	4.757.770	4.757.770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.099	1.960

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng pha loãng cổ phiếu của Công ty.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Công ty là bên thuê**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.911.860.438	1.890.013.752

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	3.823.720.877	3.823.720.877
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	637.286.813	2.549.147.251
	4.461.007.690	6.372.868.128

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả công ty TNHH Vĩnh Hiệp. Thời gian thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê là 3 năm.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền	3.983.625.524	4.322.727.601
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.228.803.693	22.311.919.520
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.123.406.523	2.926.489.336
Tổng cộng	29.335.835.740	30.561.136.457
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.384.393.717	3.700.276.039
Các khoản vay và nợ	36.835.714.793	43.746.121.651
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	740.717.561	376.895.597
Tổng cộng	49.378.516.071	48.240.983.287

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	20.215.764.501	19.338.021.689	884.580.271	128.440.557

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	11.384.393.717	-	11.384.393.717
Các khoản vay và nợ	25.230.430.844	11.605.283.949	36.835.714.793
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	<u>740.717.561</u>	<u>-</u>	<u>740.717.561</u>

31/12/2011	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	3.700.276.039	-	3.700.276.039
Các khoản vay và nợ	33.797.630.684	9.948.490.967	43.746.121.651
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	<u>376.895.597</u>	<u>-</u>	<u>376.895.597</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Tiền	3.983.625.524	-	3.983.625.524
Các khoản phải thu và phải thu khác	21.228.803.693	-	21.228.803.693
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>180.195.000</u>	<u>2.943.211.523</u>	<u>3.123.406.523</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

31/12/2011	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Tiền	4.322.727.601	-	4.322.727.601
Các khoản phải thu và phải thu khác	22.311.919.520	-	22.311.919.520
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>92.193.544</u>	<u>2.834.295.792</u>	<u>2.926.489.336</u>

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VNĐ</u>
Thu nhập Ban Giám đốc	<u>1.160.602.000</u>	<u>659.558.000</u>

28. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	44,62	49,16
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	<u>55,38</u>	<u>50,84</u>
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,83	43,92
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	58,17	56,08
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	<u>34,44</u>	<u>34,60</u>
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,38
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	<u>0,57</u>	<u>0,54</u>
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	12,45	11,12
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,27	8,34
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	<u>12,43</u>	<u>13,28</u>

Tăng Văn Liêm
Phó Giám đốc
 Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng